TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 630/2020/HS-PT
Ngày 22 tháng 10 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn.

Ông Chung Văn Kết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiển - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 364/2020/TLPT-HS ngày 10 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị T1 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2020/HS-ST ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1/ Nguyễn Văn T, sinh năm 1964 tại huyện M, tỉnh V; Nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông Nguyễn Văn Bộ và bà Huỳnh Thị Bảy (chết); Vợ Trần Thị T1 sinh năm 1965 (Là bị cáo trong vụ án); Có 02 người con: Lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: không; Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2/ Trần Thị T1, sinh năm 1965 tại huyện M, tỉnh V. Nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V; Nghề nghiệp: làm vườn; Trình độ học vấn: 02/12; Con ông Trần Văn Tốt (chết) và bà Đặng Thị Chính (chết); Chồng Nguyễn Văn T sinh năm 1964 (Là bị cáo trong cùng vụ án); Có 02 người con; Tiền án, tiền sự: không; Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa chỉ định cho các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị T1: Luật sư Nguyễn Thị B thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

- Những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị T1, Nguyễn Văn T tổ chức làm thảo hụi loại hụi tiền vàng tại ấp Phước Lộc A, xã Bình Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Hàng tháng T1 và T tổ chức bỏ thăm hụi tại nhà, hình thức ai bỏ thăm cao sẽ được nhận hụi. T và T1 được hưởng hoa hồng 40% của 01 phần hụi đã hốt. Trong thời gian làm thảo hụi của 21 dây hụi, T biết các hụi viên tin tưởng T và T1 nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của các hụi viên. T bàn với T1 đặt tên khống hụi viên và tự ý lấy tên của các hụi viên ít đi bỏ thăm hụi hoặc không đi bỏ thăm để T bỏ thăm nhằm chiếm đoạt tiền hụi của các hụi viên trong 13 dây hụi để tiêu xài cá nhân. Cụ thể:

1. Dây hụi tiền 1.000.0000 đồng/tháng, mở hụi ngày 07/4/2015 dương lịch (nhằm ngày 19/02/2015 âm lịch). Hụi có 20 phần, gồm 19 người (hụi viên) tham gia. Hụi khui được được 19 lần, trong đó T đưa giả thông tin là có người hốt, rồi tự lấy tên 04 hụi viên để kêu hốt gồm: Hồ Thị Thu C (C) hốt lần thứ 08: 16.100.000 đồng; Phạm Thị Thu M (chị Thủy) hốt lần thứ 12: 17.000.000 đồng; Nguyễn Thị T2 (Chị Lộc) hốt lần thứ 14: 17.300.000 đồng; Trần Thị N (Hằng) hốt lần thứ 15: 17.300.000 đồng. Sau đó T đóng tiền hụi lại cho các hụi viên với tổng số tiền là 4.520.000 đồng. Số tiền còn lại mà T chiếm đoạt trong dây hụi này là 63.180.000 đồng (67.700.000 đồng – 4.520.000 đồng).

2. Dây hụi tiền 1.000.0000 đồng/tháng, mở hụi ngày 07/4/2015 dương lịch (nhằm ngày 19/02/2015 âm lịch). Hụi có 19 phần, gồm 18 người (hụi viên) tham gia. Hụi khui được được 16 lần, trong đó T lấy tên khống hốt 01 lần, tự lấy tên hụi viên hốt 02 lần. Cụ thể: T lấy tên khống chị Út kêu 01 lần (thứ 02) số tiền: 13.600.000 đồng và lấy tên 02 hụi viên để kêu hốt gồm Phùng Thị H (Hương chị 4) hốt lần thứ 11: 16.500.000 đồng; Hồ Thị Thu C (C) hốt lần thứ 12: 16.800.000 đồng. Sau đó T đóng tiền lại cho các hụi viên với tổng số tiền là 19.630.000 đồng. Số tiền còn lại mà T chiếm đoạt trong dây hụi này là 27.270.000 đồng (46.900.000 đồng – 19.630.000 đồng).

3. Dây hụi tiền 1.000.0000 đồng/tháng, mở hụi ngày 30/7/2015 dương lịch (nhằm ngày 15/6/2015 âm lịch). Hụi có 26 phần, gồm 20 người (hụi viên) tham gia, T sang hụi tham gia 01 phần. Hụi khui được 15 lần, trong đó T tự lấy tên hụi viên hốt 03 lần, cụ thể: T tự lấy tên 02 hụi viên để kêu hốt gồm: Nguyễn Thị Lệ T (Đạt) hốt lần thứ 08: 16.080.000 đồng; Phan Thanh N (Nga) hốt lần thứ 11: 17.600.000 đồng và kêu hốt lần thứ 13 là 16.175.000 đồng. Sau đó bị cáo đóng hụi lại cho hụi viên với số tiền 3.800.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt trong dây hụi này là 46.055.000 đồng (49.855.000 đồng – 3.800.000 đồng).

4. Dây hụi tiền 1.000.0000 đồng/tháng, mở hụi ngày 02/11/2015 dương lịch (nhằm ngày 21/9/2015 âm lịch). Hụi có 26 phần, gồm 19 người tham gia, T tự lấy tên hụi viên hốt 03 lần, cụ thể gồm Nguyễn Thị T3 (Thiếm 8) hốt lần thứ 07: 15.600.000 đồng; Trần Thị G (Dì 8) hốt lần thứ 09: 15.180.000 đồng và lần thứ 12: 16.000.000 đồng. Sau đó T đóng tiền hụi lại cho hụi viên với số tiền là 800.000 đồng. Do đó số tiền bị cáo chiếm đoạt trong dây hụi này là 45.980.000 đồng (46.780.000 đồng – 800.000 đồng).

5. Dây hụi tiền 2.000.0000 đồng/tháng, mở hụi ngày 07/4/2015 dương lịch (nhằm 19/02/2015 âm lịch). Hụi có 25 phần, gồm có 18 người (hụi viên) tham gia, bị cáo tham gia 01 phần, bị cáo lấy tên khống 01 phần và tự ý lấy tên hụi viên hốt 04 lần, cụ thể: Bị cáo lấy tên khống (Út) hốt 01 lần số tiền: 31.400.000 đồng; Bị cáo tự lấy tên 02 hụi viên để kêu hốt gồm Trần Thị G (Dì 8) hốt lần thứ 14: 37.600.000 đồng; Đinh Ngọc D (Diễm) hốt lần thứ 15: 41.200.000 đồng; kêu hốt lần thứ 16: 39.400.000 đồng và lần thứ 19: 38.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt trong dây hụi này là 158.770.000 đồng (187.600.000 đồng – 28.830.000 đồng).

6. Dây hụi tiền 2.000.0000 đồng/tháng, mở hụi ngày 03/10/2015 dương lịch (nhằm ngày 21/8/2015 âm lịch). Hụi có 25 phần, gồm có 19 người tham gia. Hụi khui được 13 lần, trong đó: bị cáo mượn hụi được hụi viên đồng ý hốt 02 lần và tự ý lấy tên hụi viên hốt 04 lần, cụ thể: Bị cáo tự lấy tên 02 hụi viên để kêu hốt gồm Trần Thị G (Dì 8) hốt lần thứ 08: 33.060.000 đồng và lần thứ 09: 36.360.000 đồng. Tổng cộng 2 lần là 69.420.000 đồng; Lê Văn H (chị Hùng) hốt lần thứ 12: 33.200.000 đồng và lần thứ 13: 33.200.000 đồng. Tổng cộng số tiền bị cáo chiếm đoạt trong dây hụi này là 134.380.000 đồng (135.820.000 đồng – 1.440.000 đồng).

7. Dây hụi tiền 2.000.0000 đồng/tháng, mở hụi ngày 12/4/2016 dương lịch (nhằm ngày 06/3/2016 âm lịch). Hụi có 30 phần, gồm có 21 người tham gia, bị cáo sang hụi 01 phần. Hụi khui được 06 lần, trong đó: bị cáo mượn hụi được hụi viên đồng ý hốt 04 lần và bị cáo tự ý lấy tên hụi viên hốt 01 lần, cụ thể: Bị cáo tự lấy tên 01 hụi viên để kêu hốt tên Lê Thị Út T3 (Dì 8) hốt lần thứ 06: 35.600.000 đồng. Số tiền bị cáo chiếm đoạt trong dây hụi này là 35.600.000 đồng.

8. Dây hụi tiền 2.000.0000 đồng/tháng, mở ngày 30/01/2016 dương lịch (nhằm ngày 21/12/2015 âm lịch). Hụi có 20 phần, gồm 12 người (hụi viên) tham gia, bị cáo tự ý lấy tên hụi viên hốt 03 lần, cụ thể lấy tên Trần Thị G (Dì 8) hốt lần thứ 07: 39.160.000 đồng và kêu hốt lần thứ 08: 40.000.000 đồng; lấy tên Nguyễn Văn H (Cụ Nam) hốt lần thứ 09: 38.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt trong dây hụi này là 117.160.000 đồng.

9. Dây hụi tiền 3.000.000 đồng/tháng, mở ngày 29/10/2012 dương lịch (nhằm ngày 15/9/2012 âm lịch). Hụi có 20 phần, gồm 17 người (hụi viên) tham gia. Hụi khui được 17 lần, trong đó: hụi viên hốt 16 lần, bị cáo tự ý lấy tên hụi viên hốt cụ thể lấy tên Trần Thị G (Dì 8) hốt lần thứ 14: 53.350.000 đồng. Sau đó bị cáo đóng tiền lại cho hụi viên số tiền là 4.900.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt trong dây hụi này là 48.450.000 đồng (53.350.000 đồng – 4.900.000 đồng).

10. Dây hụi tiền 3.000.000 đồng/tháng, mở ngày 21/8/2013 dương lịch (nhằm ngày 15/7/2013 âm lịch). Hụi có 18 phần, gồm 14 người (hụi viên) tham gia, Bị cáo lấy tên khống (Út) kêu hốt 02 lần: lần thứ 02: 25.500.000 đồng và lần thứ 03: 23.250.000 đồng. Sau khi kêu hốt lấy tiền xong, bị cáo đóng tiền lại cho hụi viên với số tiền 27.400.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt trong dây hụi này là 21.350.000 đồng (48.750.000 đồng – 27.400.000 đồng).

11. Dây hụi tiền 5.000.000 đồng/tháng, mở ngày 21/9/2015 dương lịch (nhằm ngày 09/8/2015 âm lịch). Hụi có 18 phần, bị cáo tự ý lấy tên hụi viên hốt 03 lần, cụ thể: Nguyễn Hữu T (Phúc) kêu hốt lần thứ 4: 73.500.000 đồng và kêu hốt

lần thứ 10: 79.000.000 đồng. Tên Nguyễn Văn H (Tâm) kêu hốt lần thứ 06 số tiền: 71.800.000 đồng. Sau khi kêu hốt lấy tiền xong, bị cáo đóng lại cho hụi viên với số tiền là 15.500.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt trong dây hụi này là 208.800.000 đồng (224.300.000 đồng – 15.500.000 đồng).

12. Dây hụi tiền 3.000.000 đồng/4 tháng (hụi theo mùa lúa), mở ngày 10/3/2013 dương lịch (nhằm ngày 29/01/2013 âm lịch). Hụi có 16 phần, gồm 13 người (hụi viên) tham gia. Bị cáo lấy tên khống hốt 01 lần và tự ý lấy tên hụi viên hốt 02 lần, cụ thể: Bị cáo lấy tên khống kêu hốt 01 lần thứ 06 số tiền: 28.390.000 đồng; bị cáo lấy tên hụi viên kêu hốt 02 lần gồm tên Trần Thị G (Dì 8) kêu hốt lần thứ 09: 32.850.000 đồng và kêu hốt lần thứ 10: 31.050.000 đồng. Sau khi bỏ thăm hốt hụi xong, bị cáo đóng lại cho hụi viên với số tiền là 15.040.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt trong dây hụi này là 77.250.000 đồng (92.290.000 đồng – 15.040.000 đồng).

13. Dây hụi vàng 01 chỉ 24K/4 tháng (hụi theo mùa lúa), mở ngày 06/02/2012 dương lịch (nhằm ngày 15/01/2012 âm lịch). Hụi có 17 phần, gồm 12 người (hụi viên) tham gia, bị cáo sang hụi tham gia 02 phần, bị cáo lấy tên khống (Út) kêu hốt lần thứ 02 với số vàng là 10 chỉ 07 phân 05 li vàng 24K. Sau đó bị cáo có đóng lại cho hụi viên số vàng là 08 chỉ 06 phân 08 li vàng 24K. Tổng số vàng bị cáo chiếm đoạt trong dây hụi này là 02 chỉ 0 phân 07 li vàng 24K (10 chỉ 07 phân 05 li vàng 24K – 08 chỉ 06 phân 08 li vàng 24K).

Quá trình điều tra đã xác định vợ chồng Nguyễn Văn T, Trần Thị T1 lợi dụng làm thảo hụi để ghi khống tên hụi viên và lấy tên của các hụi viên để bỏ thăm hốt hụi 31 lần hụi trong 13 dây hụi trên để chiếm đoạt tổng số tiền là: 984.245.000 đồng và 02 chỉ 07 li vàng 24K. Các bị cáo sử dụng tiền để trả nợ, góp hụi chết mà bị cáo tự ý lấy tên hốt hụi, số tiền còn lại các bị cáo tiêu xài cá nhân. Ngoài ra, các bị cáo còn nợ tiền hụi và đồng ý trả cho 66 hụi viên và có 15 hụi viên còn nợ tiền hụi của các bị cáo.

Đối với Nguyễn Hoàng Việt (tên thường gọi là Út): Không biết việc bị cáo T lấy tên của Việt (Út) tham gia góp hụi để chiếm đoạt tiền của các hụi viên nên không xử lý.

Tại Cáo trạng số: 09/CT-VKSVL –P1 ngày 21/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị T1 về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại bản án số: 11/2018/HSST ngày 03/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo T và vợ là Trần Thị T1 có trách nhiệm liên đới trả cho các bị hại số tiền đã chiếm đoạt và buộc các hụi viên còn nợ tiền hụi bị cáo có nghĩa vụ trả lại cho bị cáo.

Tại bản án số: 178/2019/HS-PT ngày 17/4/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ số 11/2018/HSST ngày 3/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Tại Cáo trạng số: 09/CT-VKSVL –P1 ngày 21/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị T1 về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị T1 phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

1.1 Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T: 12 (Mười hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo thi hành án.

1.2 Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Thị T1: 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự; Về lãi suất chậm thi hành án; Về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; Về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 29/6/2020 bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Thị T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, sớm hòa nhập xã hội, để có điều kiện trả nợ cho hụi viên.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Các bị cáo T, T1 khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo theo bản án sơ thẩm xét xử là đúng, nhưng vì hoàn cảnh khó khăn, bản thân đang bị bệnh nên xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xem xét đơn kháng cáo đảm bảo hình thức và trong thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Xét kháng cáo của bị cáo thấy rằng bản án sơ thẩm đã tuyên bố các bị Nguyễn Văn T, Trần Thị T1 phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T: 12 (mười hai) năm tù; xử phạt bị cáo Trần Thị T1: 07 (bảy) năm tù là tương xứng có xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ gì mới để giảm nhẹ hình phạt. Đề nghị bác kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị xem xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như bản án sơ thẩm đã nhận định ngoài ra cần xem xét bị cáo trình độ học vấn thấp, không hiểu biết pháp luật, phạm tội do hoàn cảnh khó khăn vì không có tiền để góp thay cho các hụi viên sau khi hốt hụi đã bỏ địa phương đi nơi khác sinh

sống mà không góp hụi chết. Hiện tại hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị cáo bị bệnh. Đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên *cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị T1 trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị T1 tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị hại trong vụ án, phù hợp biên bản thu giữ vật chứng cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Từ khoảng tháng 02/2012 đến tháng 12/2016 các bị cáo có tổ chức góp hụi và làm thảo hụi 21 dây hụi tiền, vàng. Các bị cáo T và T1 đã lợi dụng sự tin tưởng của các hụi viên để đặt tên khống hụi viên và tự ý lấy tên của hụi viên để bỏ thăm hụi và chiếm đoạt của các hụi viên tổng số tiền và vàng là 984.245.000 đồng và 02 chỉ 07 li vàng 24k. Do đó Bản án sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo T và T1 phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo khỏi xã hội trong một thời gian để giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để xử phạt các bị cáo với mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Các bị cáo phạm tội có tổ chức, có sự cấu kết chặt chẽ giữa người tổ chức, người thực hành với vai trò đồng phạm cụ thể bị cáo T với vai trò chủ mưu tổ chức thực hiện và bị cáo T1 với vai trò giúp sức trong việc thực hiện tội phạm. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng "phạm tội nhiều lần" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đồng thời cũng đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bồi thường một phần thiệt hại cho các bị hại; Các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, gia đình bị cáo có công với Nhà nước nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt do bản thân các bị cáo T, T1 đang bị bệnh, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn. Tuy nhiên các căn cứ mà các bị cáo trình bày không được xem là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Vì vậy chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét lời đề nghị của luật sư bào chữa cho các bị cáo là chưa phù hợp với nhận định trên nên không được chấp nhận.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Các bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự; Về lãi suất chậm thi hành án; Về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị T1. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Tuyên xử:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T: 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Thị T1: 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị T1 mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự; Về lãi suất chậm thi hành án; Về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát nhân dân Vĩnh Long;-
Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Long;
(Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Long; tống đạt cho các bị cáo);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án, PQH.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Thị Thúy Hồng